

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN GIỐNG NHÂN T6 Ở MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

Nguyễn Quốc Hùng¹, Nguyễn Thị Thu Hương¹, Vũ Việt Hưng¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu tuyển chọn giống nhân T6 ở các tỉnh phía Bắc nhằm mục tiêu bổ sung được giống nhân chín chính vụ có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao, chất lượng quả tốt làm đa dạng cơ cấu các giống nhân và góp phần rải vụ thu hoạch ở các tỉnh phía Bắc. Nghiên cứu tuyển chọn, khảo nghiệm giống được thực hiện từ năm 2010. Nghiên cứu khảo nghiệm giống được thực hiện trong thời gian 2014 - 2019 tại 3 điểm: xã Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn toàn 50 cây/giống và nhắc lại 4 lần, được trồng với mật độ 400 cây/ha, giống đối chứng là giống nhân Hương Chi. Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trong các thí nghiệm được áp dụng theo quy trình trồng, chăm sóc nhân của Viện Nghiên cứu Rau quả. Kết quả nghiên cứu thu được cho thấy, giống nhân T6 có khả năng sinh trưởng khỏe, lá to, hơi vắn, mặt lá bóng, màu xanh đậm. Thời gian ra hoa của giống trong khoảng 10/2 - 15/2 ở các điểm khảo nghiệm Hà Nội và Hưng Yên, gần tương tự như thời gian ra hoa của giống nhân Hương Chi. Năng suất giống nhân chín chính vụ T6 tại các điểm khảo nghiệm đạt 31,5 - 33,7 kg/cây ở độ tuổi 6 năm tuổi. Giống có chất lượng quả tốt, độ brix đạt 21,3 - 22,5%, tỷ lệ phần ăn được đạt 66,8 - 68,6%. Thời gian thu hoạch tập trung của giống trong khoảng 10/8 - 20/8 tại Hà Nội, Hưng Yên và 20/7 - 30/7 tại Sơn La. Giống nhân T6 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử ở các tỉnh phía Bắc năm 2019.

Từ khóa: *Tuyển chọn giống, giống nhân T6, chất lượng quả tốt, tỉnh Sơn La, Hà Nội.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở phía Bắc, nhân được trồng tập trung ở một số tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên và Hà Nội. Trong đó, Sơn La và Hưng Yên là hai tỉnh có diện tích trồng và sản lượng thu hoạch hàng năm lớn hơn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2019). Ngoài các giống nhân địa phương, các tỉnh phía Bắc có nhiều giống nhân với các trà thu hoạch khác nhau nhưng tập trung nhiều hơn ở trà nhân chín muộn với các giống nhân chín muộn HTML1 và HTML2 trồng tập trung ở Hà Nội, giống nhân chín muộn PHM99-1.1 được trồng chủ yếu tại Sơn La và Hưng Yên. Với trà nhân chín sớm, mới chỉ có giống nhân chín sớm PHS2 được trồng với quy mô nhỏ tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Ngoài trà chín sớm và chín muộn, trà nhân chín chính vụ chưa được tập trung nghiên cứu, mới chỉ tuyển chọn được giống nhân Hương Chi và giống nhân này chỉ được trồng tập trung tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (Ngô Hồng Bình và cs, 2016). Để kéo dài thời vụ thu hoạch, ngoài áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần có cơ cấu giống phù hợp cho từng trà như bộ giống nhân chín sớm, giống nhân chín chính vụ (Liao J., X. Cai, 2006; Quang zhou, 2000). Từ nguồn quỹ gen trong sản xuất, Viện

Nghiên cứu Rau quả đã tuyển chọn được dòng nhân T6 có các đặc tính ưu việt về khả năng sinh trưởng, khả năng cho năng suất và chất lượng quả. Với mục tiêu bổ sung được giống nhân chín vụ cho năng suất cao, chất lượng tốt cho sản xuất, trở thành sản xuất hàng hóa ở một số tỉnh phía Bắc, dòng T6 đã được trồng khảo nghiệm, đánh giá cùng với giống nhân Hương Chi ở các tỉnh Sơn La, Hưng Yên và Hà Nội.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thí nghiệm khảo nghiệm cơ bản được thực hiện tại Viện Nghiên cứu Rau quả với 4 dòng nhân điều tra, thu thập ở một số tỉnh phía Bắc (HY3; T5; T6; TN7) và giống nhân Hương Chi là giống đối chứng. Thời gian theo dõi đánh giá từ năm 2010 đến năm 2014.

Thí nghiệm khảo nghiệm sản xuất được trồng tại 3 điểm: xã Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Thời gian theo dõi đánh giá từ năm 2014 đến năm 2019, với khoảng cách trồng 5 x 5m, tương đương với mật độ 400 cây/ha.

Cây giống được nhân giống bằng phương pháp ghép đoạn cành, giống nhân gốc ghép là giống nhân nước. Thí nghiệm được trồng 50 cây/dòng/giống và nhắc lại 4 lần. Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

cây trong các thí nghiệm được áp dụng theo quy trình trồng, chăm sóc nhân của Viện Nghiên cứu Rau quả; chế độ phân bón được áp dụng tương tự như chế độ phân bón cho giống nhân đang được trồng phổ biến ở các tỉnh phía Bắc. Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm: các đặc điểm mô tả hình thái cây, đặc điểm ra hoa, thời gian cho thu hoạch; các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh trưởng của cây; các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thu được của giống; một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả và tình hình phát sinh, gây hại của một số đối tượng sâu bệnh gây hại chính trên cây nhân.

Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả được phân

tích tại phòng thí nghiệm bộ môn Kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm rau quả - Viện Nghiên cứu Rau quả. Số liệu xử lý theo chương trình EXCEL và IRRISTAT 5.0 trên máy vi tính.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả khảo nghiệm cơ bản các dòng nhân tuyển chọn

Từ nguồn vật liệu tuyển chọn, các dòng nhân tuyển chọn có năng suất, chất lượng quả cao hơn được đưa vào trồng khảo nghiệm tại Viện Nghiên cứu Rau quả từ năm 2010. Năng suất và thời gian cho thu hoạch của các dòng nhân tuyển chọn được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Năng suất của các giống/dòng nhân tuyển chọn

Tên dòng/giống	Năng suất trung bình (kg/cây)				Năng suất trung bình 2 năm
	Năm 2013		Năm 2014		
	Năng suất	Thời gian thu hoạch	Năng suất	Thời gian thu hoạch	
Dòng nhân HY3	16,8	5/8 - 10/8	23,9	2/8 - 10/8	20,3
Dòng nhân T5	18,1	25/8 - 30/8	25,7	20/8 - 25/8	22,0
Dòng nhân T6	20,7	15/8 - 20/8	30,5	12/8 - 20/8	25,6
Dòng nhân TN7	17,5	5/8 - 10/8	23,6	5/8 - 12/8	20,6
Giống nhân Hương Chi	15,0	15/8 - 20/8	24,4	10/8 - 20/8	19,7
<i>LSD_{0,5}</i>	2,5		2,7		
<i>CV (%)</i>	14,5		15,3		

Kết quả theo dõi thu được ở bảng 1 cho thấy, các giống nhân tuyển chọn đều cho thu hoạch quả ở năm thứ 3 sau trồng và năng suất thu được của các dòng nhân tuyển chọn có sự sai khác có ý nghĩa. Năm 2013, năng suất đạt lớn nhất ở dòng nhân T6 đạt 20,7 kg/cây, tiếp đến đạt 18,1 kg/cây ở dòng nhân T5 và đạt thấp nhất với 15,0 kg/cây ở giống nhân Hương Chi. Năm 2014, dòng nhân T6 vẫn cho năng suất lớn nhất đạt 30,5 kg/cây và các dòng nhân tuyển chọn HY3, T5, TN7 và nhân Hương Chi có năng suất đạt được không có sự khác biệt có ý nghĩa về thống kê, đạt 23,6 - 25,7 kg/cây.

Bảng 2. Khả năng sinh trưởng thân tán và đặc điểm lá của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm (cây 5 năm tuổi)

Địa điểm	Dòng/giống nhân	Chiều cao cây (m)	Đường kính tán (m)	Chiều dài lá chét (cm)	Chiều rộng lá chét (cm)	Số lá chét (lá)
Hà Nội	Nhân T6	2,7 ± 0,1	2,8 ± 0,5	14,55 ± 0,20	3,97 ± 0,03	10,15 ± 0,35
	Hương Chi	2,3 ± 0,2	2,7 ± 0,6	14,30 ± 0,28	3,87 ± 0,05	9,18 ± 0,20
Hưng Yên	Nhân T6	2,8 ± 0,3	2,9 ± 0,4	14,54 ± 0,15	4,01 ± 0,02	10,27 ± 0,06
	Hương Chi	2,6 ± 0,4	2,9 ± 0,6	14,16 ± 0,33	3,52 ± 0,05	9,30 ± 0,35
Sơn La	Nhân T6	2,7 ± 0,1	2,9 ± 0,5	14,45 ± 0,14	3,95 ± 0,02	10,06 ± 0,12
	Hương Chi	2,6 ± 0,3	2,9 ± 0,7	14,12 ± 0,18	3,37 ± 0,04	9,35 ± 0,20

Từ kết quả khảo nghiệm cơ bản trong thời gian 2010 - 2014, dòng nhân tuyển chọn T6 được đưa vào

Các dòng nhân tuyển chọn đều cho thu hoạch quả trong tháng 8, thời gian thu hoạch có sự khác nhau giữa các dòng tuyển chọn và giống nhân Hương Chi. Ở cả 2 vụ thu hoạch năm 2013 và 2014, các dòng nhân tuyển chọn HY3 và TN7 đều có thời gian thu hoạch sớm hơn giống nhân Hương Chi và các dòng nhân tuyển chọn khác. Dòng nhân tuyển chọn T5 có thời gian cho thu hoạch muộn nhất. Dòng nhân tuyển chọn T6 có cùng thời gian thu hoạch với giống nhân Hương Chi ở cả 2 vụ thu hoạch.

3.2. Kết quả khảo nghiệm sản xuất của dòng nhân có triển vọng T6 tại các vùng sinh thái

khảo nghiệm sản xuất với giống đối chứng là nhân Hương Chi tại Hưng Yên, Sơn La và Hà Nội năm

2014. Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng của dòng nhân tuyển chọn T6 được trình bày tại bảng 2.

Kết quả nghiên cứu thu được cho thấy, ở cả 3 điểm trồng khảo nghiệm dòng nhân tuyển chọn T6 đều thể hiện được sự ổn định về chiều cao cây, đường kính tán, đường kính thân và một số chỉ tiêu về kích thước lá. Các chỉ tiêu đánh giá chiều cao cây,

đường kính tán cây của dòng nhân tuyển chọn T6 đạt tương ứng là 2,7 - 2,8m và 2,8 - 2,9m, tương đương với chiều cao cây và đường kính tán của giống nhân Hương Chi đối chứng. Dòng nhân tuyển chọn T6 có số lá chết, chiều dài, chiều rộng của lá kép và lá chết lớn hơn lá nhân đối chứng Hương Chi ở cả 3 điểm trồng.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về hoa của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm

Địa điểm	Dòng/giống nhân	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Thời gian xuất hiện ngồng hoa	Chiều dài chùm hoa (cm)	Thời gian xuất hiện ngồng hoa	Chiều dài chùm hoa (cm)	Thời gian xuất hiện ngồng hoa	Chiều dài chùm hoa (cm)
Hà Nội	Nhân T6	10-15/2	25,2±0,5	5-10/2	26,7 ±0,5	7-15/2	25,4±0,4
	Hương Chi	14-20/2	23,8± 0,6	10-15/2	24,3± 0,8	5-13/2	24,5± 0,6
Hưng Yên	Nhân T6	11-15/2	24,8± 0,4	8-17/2	26,3± 0,5	1-10/2	25,7± 0,3
	Hương Chi	10-20/2	23,2 ±0,6	10-15/2	25,2 ±0,7	5-10/2	24,2± 0,5
Sơn La	Nhân T6	1-10/2	24,7± 0,4	25/1-5/2	25,9± 0,6	25/1-5/2	25,2± 0,3
	Hương Chi	10-15/2	23,8± 0,7	10-15/2	24,1± 1,2	1-10/2	24,1± 0,6

Thời gian xuất hiện ngồng hoa của dòng nhân tuyển chọn T6 ổn định qua các năm theo dõi 2017 - 2019, đều xuất hiện ngồng hoa vào đầu - giữa tháng 2. Ở các điểm trồng khảo nghiệm Hà Nội và Hưng Yên, thời gian xuất hiện ngồng hoa của dòng nhân tuyển chọn T6 muộn hơn so với ở điểm trồng Sơn La. Dòng nhân tuyển chọn T6 có thời gian xuất hiện ngồng hoa vào 10/2 - 15/2 tại Hà Nội và 11/2 - 17/2

tại Hưng Yên, nhưng tại Sơn La dòng nhân tuyển chọn T6 có thời gian xuất hiện ngồng hoa 1/2 - 10/2 (năm 2017) và 25/1 - 5/2 (năm 2018 và 2019). So với giống nhân Hương Chi, dòng nhân tuyển chọn T6 có thời gian xuất hiện ngồng hoa sớm hơn 5-10 ngày. Chiều dài chùm hoa của dòng nhân tuyển chọn T6 và giống nhân Hương Chi đạt tương đương nhau ở cả 3 năm theo dõi, dao động từ 23,2 - 26,7 cm.

Bảng 4. Một số chỉ tiêu về quả của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm

Địa điểm	Dòng/giống nhân	Khối lượng quả (g)	Năng suất (kg/cây)	Tỷ lệ thịt quả (%)	Độ Brix (%)
Năm 2017					
Hà Nội	Nhân T6	15,2±0,3	20,5±2,2	67,4	21,3±0,2
	Hương Chi	12,5± 0,6	15,8±3,7	65,5	21,2±0,3
Hưng Yên	Nhân T6	15,4±0,4	19,9±1,8	66,8	21,5±0,2
	Hương Chi	12,3±0,5	13,6±4,5	66,0	21,0±0,5
Sơn La	Nhân T6	14,6±0,3	18,7±3,1	67,5	21,6±0,3
	Hương Chi	12,1±0,5	14,7±5,4	66,3	21,2±0,5
Năm 2018					
Hà Nội	Nhân T6	15,1± 0,2	25,8±4,1	68,6	21,7±0,2
	Hương Chi	12,5± 0,5	18,5±5,5	67,4	20,8±0,3
Hưng Yên	Nhân T6	15,3± 0,3	27,4±3,7	68,3	22,0±0,3
	Hương Chi	12,4 ±0,3	17,3±5,6	66,8	21,3±0,5
Sơn La	Nhân T6	14,5±0,2	25,7±3,5	67,8	22,5±0,3
	Hương Chi	12,3±0,3	19,2±4,2	66,2	21,7±0,4
Năm 2019					
Hà Nội	Nhân T6	15,2±0,2	31,5±3,8	67,7	21,5±0,3
	Hương Chi	12,5±0,4	24,5±5,6	65,6	21,0±0,5
Hưng Yên	Nhân T6	15,2±0,3	33,7±1,3	67,3	21,4±0,2
	Hương Chi	12,6±0,5	23,1±3,5	65,0	21,2±0,5
Sơn La	Nhân T6	14,7±0,2	31,9±2,7	68,6	22,5±0,3
	Hương Chi	12,2±0,5	25,1±4,6	66,4	21,7±0,4

Khối lượng quả là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong chọn giống cây ăn quả nói chung và

chọn giống nhân nói riêng. Dòng nhân tuyển chọn T6 có khối lượng quả lớn hơn giống nhân đối chứng

trồng tại tất cả các điểm khảo nghiệm. So sánh giữa các điểm trồng khảo nghiệm, dòng nhân tuyển chọn T6 trồng tại Hà Nội và Hưng Yên có khối lượng quả đạt cao hơn ở Sơn La trong cả 3 vụ thu hoạch. Khối lượng trung bình quả của dòng nhân tuyển chọn T6 tại các điểm trồng Hà Nội và Hưng Yên đều đạt trên 15 gam, lớn hơn so với khối lượng quả đạt được ở điểm trồng Sơn La (14,5gam - 14,7gam). Giống nhân đối chứng Hương Chi có khối lượng quả thấp hơn, chỉ đạt 12,1 gam đến 12,7 gam, kết quả này tương tự như kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Văn Khởi, Đào Xuân Thăng (Trần Văn Khởi, Đào Xuân Thăng, 2000).

Năng suất của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm ở cả 3 điểm trồng đều tăng dần theo tuổi cây và năng suất của dòng nhân tuyển chọn T6 đạt được cao hơn trên 15% so với năng suất của giống nhân đối chứng Hương Chi ở cả 3 vụ thu hoạch. Tại Hà Nội, năng suất của dòng nhân tuyển chọn T6 ở năm 2017, 2018, 2019 đạt được tương ứng là 20,5 kg/cây, 25,8 kg/cây và 31,5 kg/cây. Trong khi đó, năng suất của giống nhân Hương Chi chỉ đạt 15,8 kg/cây; 18,5 kg/cây và 24,5 kg/cây. Tại Hưng Yên, năng suất của dòng nhân tuyển chọn T6 ở năm 2017, 2018, 2019 đạt

được tương ứng là 19,9 kg/cây, 27,4 kg/cây và 33,7 kg/cây; trên giống nhân Hương Chi, năng suất ở các năm tương ứng đạt 13,6 kg/cây, 17,3 kg/cây và 23,1 kg/cây. Tương tự tại Sơn La, năng suất của dòng nhân tuyển chọn T6 cũng cao hơn nhiều so với năng suất của giống nhân đối chứng Hương Chi.

Tỷ lệ thịt quả và độ brix của thịt quả là các chỉ tiêu để đánh giá quan trọng phản ánh chất lượng quả. Tỷ lệ thịt quả và độ brix đạt được của dòng nhân tuyển chọn T6 tương đối ổn định qua các vụ thu hoạch. Tỷ lệ phần ăn được của dòng nhân T6 đạt được 66,8 - 68,6 %, cao hơn so với tỷ lệ phần ăn được của giống nhân đối chứng Hương Chi (65 - 66 %). Tỷ lệ phần ăn được này tương đương với một số giống nhân đang trồng phổ biến tại Trung Quốc và Thái Lan (Chengming Liu, 2019; www.fao.org/3/x6908e/x6908e0l.htm). Độ brix thịt quả của dòng nhân tuyển chọn T6 và giống nhân Hương Chi trồng tại Sơn La đều đạt cao hơn so với ở các điểm trồng tại Hà Nội và Hưng Yên. Tại các điểm trồng, ở cả 3 vụ thu hoạch, độ brix của dòng nhân tuyển chọn T6 đều cao hơn ở giống nhân đối chứng Hương Chi.

Bảng 5. Một số chỉ tiêu về chất lượng quả của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm năm 2019

Địa điểm	Dòng/giống nhân	Axit tổng số (%)	Đường tổng số (%)	Vitamin C (mg/100g thịt quả)	Chất khô (%)
Hà Nội	Nhân T6	0,11	18,70	43,24	22,77
	Hương Chi	0,11	17,67	43,50	22,80
Hưng Yên	Nhân T6	0,11	18,03	42,42	22,06
	Hương Chi	0,12	17,92	43,26	21,98
Sơn La	Nhân T6	0,11	17,78	42,15	23,07
	Hương Chi	0,12	17,42	43,08	22,75

Kết quả phân tích một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm trong năm 2019 cho thấy, một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả của dòng nhân tuyển chọn T6 đạt được tương đương hoặc cao hơn so với cùng chỉ tiêu đánh giá trên giống nhân đối chứng Hương Chi. Ở tất cả các điểm trồng khảo nghiệm, hàm lượng axit tổng số dao động từ 0,11% ở dòng nhân tuyển chọn T6 đến 0,12% ở giống nhân đối chứng Hương Chi. Hàm lượng đường tổng số dao động từ 17,78% đến 18,70% ở dòng nhân tuyển chọn T6 và từ 17,42% đến 17,92% ở giống nhân đối chứng Hương Chi. Các chỉ tiêu đánh giá hàm lượng chất khô và vitamin C không thay đổi nhiều giữa các dòng/giống cũng như ở các điểm trồng khảo nghiệm khác nhau.

Thời vụ thu hoạch là một trong các chỉ tiêu thể hiện đặc tính của giống và một phần quyết định đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất. Trong điều kiện vùng trồng tại Hưng Yên, các giống nhân chín sớm có thời gian thu hoạch trước tháng 8; các giống nhân chín chính vụ có thời gian thu hoạch 1/8 - 20/8 và các giống nhân chín muộn có thời gian thu hoạch cuối tháng 8 - đầu tháng 9. Kết quả theo dõi thời gian thu hoạch quả thu được cho thấy, dòng nhân tuyển chọn T6 trồng tại các điểm có thời gian thu hoạch thuộc nhóm chín chính vụ. Các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm có thời gian thu hoạch thay đổi qua các năm, tuy nhiên sự chênh lệch này không nhiều. Dòng nhân tuyển chọn T6 có thời gian bắt đầu thu hoạch sớm hơn giống nhân Hương Chi khoảng 5

ngày. Tuy nhiên, so sánh ở các điểm trồng khác nhau, điểm khảo nghiệm tại Sơn La cả 2 dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm đều có thời gian thu hoạch

sớm hơn so với ở các điểm trồng Hà Nội và Hưng Yên khoảng 10 ngày.

Bảng 6. Thời gian thu hoạch của dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm

Địa điểm	Dòng/giống nhân	Thời gian thu hoạch (ngày/tháng)		
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Hà Nội	Nhân T6	12 - 20/8	16 - 23/8	8 - 15/8
	Hương Chi	15 - 20/8	20 - 27/8	15 - 20/8
Hưng Yên	Nhân T6	10 - 20/8	15 - 25/8	10 - 15/8
	Hương Chi	15 - 20/8	18 - 25/8	15 - 20/8
Sơn La	Nhân T6	20 - 30/7	25 - 30/7	20 - 25/7
	Hương Chi	25/7 - 5/8	5 - 10/8	25/7 - 5/8

Ở tất cả các địa điểm khảo nghiệm, các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm đều bị một số đối tượng sâu bệnh gây hại. Trong đó, bọ xít xuất hiện ở mức độ trung bình ở dòng nhân tuyển chọn T6 ở tất cả các điểm trồng và xuất hiện nhiều trên giống nhân Hương Chi tại điểm Sơn La; tiếp theo là rệp sáp có xuất hiện và gây hại nhẹ trên cả 2 dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm. Một số bệnh hại xuất hiện trên các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm tại các điểm trồng như: bệnh sương mai, bệnh muội đen và bệnh cháy lá. Tuy nhiên, các đối tượng bệnh hại chỉ xuất hiện và gây hại nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của các dòng/giống nhân trồng khảo nghiệm.

4. KẾT LUẬN

Dòng nhân tuyển chọn T6 có khả năng sinh trưởng khỏe, lá to, hơi vắn, mặt lá bóng, màu xanh đậm. Tại các điểm trồng khảo nghiệm Hà Nội, Hưng Yên, dòng nhân tuyển chọn T6 có thời gian xuất hiện ngồng hoa dao động từ 10/2 đến 15/2, thời gian cho thu hoạch dao động từ 8/8 đến 23/8 hàng năm, tương đương với giống nhân Hương Chi. Tại điểm trồng khảo nghiệm Sơn La, thời gian xuất hiện ngồng hoa dao động từ 25/1 đến 10/2, thời gian cho thu hoạch dao động từ 20/7 - 30/7 hàng năm và cho thu hoạch sớm hơn giống nhân Hương Chi 5 - 10 ngày.

Dòng nhân tuyển chọn T6 có khối lượng trung bình quả lớn, đạt 14,5 - 15,4 gam; năng suất tại các điểm trồng khảo nghiệm đạt 31,5 - 33,7 kg/cây ở độ tuổi 6 năm tuổi; các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả đạt được tương đương hoặc cao hơn so với giống nhân Hương Chi, với độ brix đạt 21,3 - 22,5%, tỷ lệ thịt quả đạt 66,8 - 68,6%; một số đối tượng sâu hại xuất hiện và gây hại nhẹ hơn so mức độ gây hại trên

giống nhân Hương Chi. Dòng nhân tuyển chọn T6 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống sản xuất thử cho các tỉnh phía Bắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Hồng Bình và cs, 2016. Báo cáo tổng kết đề tài: Nghiên cứu chọn tạo giống vải, nhân năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, giai đoạn 2010 - 2015. Viện Nghiên cứu Rau quả.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2019. Tài liệu phục vụ hội nghị thúc đẩy phát triển bền vững cây ăn quả các tỉnh phía Bắc. Sơn La, ngày 6/5/2019.
3. Nguyễn Thị Bích Hồng, Trịnh Khắc Quang, Ngô Hồng Bình, 2016. Kết quả nghiên cứu tuyển chọn và khảo nghiệm giống nhân chín sớm PHS2 tại Hưng Yên. Hội thảo quốc gia về khoa học cây trồng lần thứ 2. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội. Tr 600 - 605.
4. Trần Văn Khởi, Đào Xuân Thắng, 2000. Kết quả bước đầu tuyển chọn giống nhân. Tạp chí Nông nghiệp Công nghiệp thực phẩm. Số 4, tr 164 - 165.
5. Liao J., X. Cai, 2006. Youyi 106, a late large longan cultivar. China Fruits (No.3) : 7-8.
6. Chengming Liu, 2019. Current production and breeding achievements of longan in China. 6st international symposium on lychee, longan and other sapindaceae fruits. 7 - 11 June, Hanoi, Vietnam.
7. Quang zhou, 2000. 1st international symposium on litchi and longan. China June, pp. 19 - 23.
8. Cultivars of main longan centres in Asia. <http://www.fao.org/3/x6908e/x6908e01.htm>.

RESULTS OF SELECTING THE LONGAN CULTIVAR T6 IN NORTHERN PROVINCES

Nguyen Quoc Hung, Nguyen Thi Thu Huong, Vu Viet Hung

Summary

Study on selecting the longan cultivar T6 in the North aimed at proposing a new main-season longan cultivar of vigorous growth, high yield and good fruit quality, to diversify the longan fruit produce and to contribute to extension of the harvest in Northern provinces. The research on evaluation was conducted since 2010. The VCU testing was implemented during 2014 - 2019 at 3 locations: Dai Thanh commune, Quoc Oai district, Ha Noi; An Vi commune, Khoai Chau district, Hung Yen province; Yen Hung commune, Song Ma district, Son La province. The experiment was designed in randomized complete block (RCBD), with 50 trees for each variety/cultivar and 4 replications. The trees were planted at a density of 400 trees/ha; the control variety was Huong Chi longan. The testing employed the longan cultivation protocol of the Fruit and Vegetable Research Institute. The results showed that T6 longan obtained strong growth with large leaves which were slightly twisted, with glossy surface and dark green in color. The cultivar at the trial sites in Ha Noi and Hung Yen produced flowers on February 10-15, which was similar to the flowering time of the control variety Huong Chi. The yields at the trial sites varied from 31.5 to 33.7 kg per tree of 6 years old. The fruit quality was good with brix at 21.3 - 22. %, the edible proportion of 66.8 – 68.6%. The concentrated harvest time of T6 longan fell on August 10 - 20 in Ha Noi, Hung Yen and July 20 - 30 in Son La. T6 longan was recognized by the Ministry of Agriculture and Rural Development as a variety for trial production in northern provinces in 2019.

Keywords: *Variety selection, T6 longan variety, good fruit quality, Son La province, Ha Noi.*

Người phản biện: TS. Nguyễn Văn Vượng

Ngày nhận bài: 8/1/2020

Ngày thông qua phản biện: 10/2/2020

Ngày duyệt đăng: 17/2/2020